

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HCM
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

BỘ MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI LỚP: 10

TUẦN: 5,6/HK1 (từ 4/10/2021 đến 23/10/2021)

PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC

I. Nhiệm vụ tự học, nguồn tài liệu cần tham khảo:

- Đọc SGK bài 9 (tt), nbaif 11, bài 12 và bài 13
- Khai thác Tập bản đồ Địa lí 10_các trang: 11, 12, 13, 14, 15.

II. Kiến thức cần ghi nhớ:

Chủ đề 3: CẤU TRÚC TRÁI ĐẤT- THẠCH QUYỀN- THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

Nội dung 3. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

(Bài 9_ tiếp theo)

Quá trình	Khái niệm	Nhân tố tác động	Cách thức tác động
Bóc mòn	Là quá trình làm chuyển dời các sản phẩm phong hóa khỏi vị trí ban đầu vốn có của nó.	Do tác động của nước chảy, sóng biển, băng hà chuyển động, gió thổi.	+ Xâm thực + Thổi mòn + Mài mòn
Vận chuyển	Là quá trình vận chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác	+ Động năng quá trình ngoại lực + Trọng lượng và kích thước vật liệu	+ Vật liệu nhỏ, nhẹ: cuốn đi nhờ động năng của ngoại lực. + Vật liệu lớn, nặng: lăn trên đất dốc nhờ động năng của ngoại lực và trọng lực
Bồi tụ	Là quá trình tích tụ các vật liệu bị phá hủy	Phụ thuộc vào động năng của các nhân tố ngoại lực	+ Động năng giảm dần: vật liệu tích tụ dần trên đường đi theo thứ tự giảm dần kích thước và trọng lượng. + Động năng giảm đột ngột: vật liệu tích tụ và phân lớp theo trọng lượng.

Chủ đề 4: KHÍ QUYỀN

Nội dung 1: KHÍ QUYỀN – SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT

(Bài 11)

I. KHÍ QUYỀN

*** Khái niệm:** Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất.

⇒ Khí quyển là lớp vỏ bảo vệ Trái Đất, có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của sinh vật.

1. Cấu trúc của khí quyển (học sinh tự học)

2. Các khối khí

a. Nguyên nhân hình thành: Không khí ở tầng đối lưu, tùy theo vĩ độ và bề mặt Trái Đất là lục địa hay đại dương mà hình thành các khối khí khác nhau.

b. *Tính chất của các khối khí:*

- Mỗi bán cầu có 4 khối khí chính:
 - Khối khí Bắc cực và Nam cực (A): rất lạnh;
 - Khối khí ôn đới (P): lạnh;
 - Khối khí chí tuyến (nhiệt đới - T): rất nóng;
 - Khối khí xích đạo (E): nóng ẩm.
- Mỗi khối khí lại chia ra thành *kiểu hải dương* (**âm**, kí hiệu là **m**) và *kiểu lục địa* (**khô**, kí hiệu là **c**). Riêng khối khí xích đạo chỉ có một kiểu là khối khí hải dương (kí hiệu là **Em**).
- Các khối khí không đứng yên mà luôn di chuyển.

3. Frông

a. **Khái niệm:** Frông là mặt ngăn cách giữa 2 khối khí có sự khác biệt nhau về nhiệt độ và hướng gió.

b. Các frông cơ bản:

- Frông địa cực (FA): ngăn cách giữa các khối khí cực và ôn đới.
- Frông ôn đới (FP): ngăn cách giữa các khối khí ôn đới và chí tuyến
- Ở xích đạo đều là các khối khí nóng ẩm, vì vậy chỉ tạo thành dải hội tụ nhiệt đới.
- Những nơi có dải hội tụ nhiệt đới đi qua, thường gây ra mưa lớn trên diện rộng và có nhiều loạn về thời tiết.

⇒ Các khối khí, frông không đứng yên một chỗ, mà luôn di chuyển. Mỗi khi sự di chuyển đến đâu thì lại làm cho thời tiết nơi đó có sự thay đổi.

II. SỰ PHÂN BỐ CỦA NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT.

1. Bức xạ và nhiệt độ không khí

- Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho mặt đất là bức xạ Mặt Trời.
- Nhiệt lượng do Mặt trời mang đến Trái Đất thay đổi theo góc chiếu của tia bức xạ Mặt trời (*góc nhập xạ*), *góc chiếu càng lớn thì nhiệt lượng lớn và ngược lại.*

* **Nguyên nhân hình thành nhiệt độ không khí:** Nhiệt cung cấp chủ yếu cho không khí ở tầng đối lưu là nhiệt của bề mặt Trái Đất sau khi hấp thụ bức xạ Mặt Trời, rồi bức xạ lại vào không khí, làm cho không khí nóng lên, hình thành nhiệt độ không khí.

2. Sự phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái Đất

* Các nhân tố ảnh hưởng đến nhiệt độ không khí :

a. **Vĩ độ địa lý:** Nhìn chung càng lên vĩ độ cao thì nhiệt độ trung bình năm càng giảm, biên độ nhiệt năm càng lớn.

b. Lục địa và đại dương:

- Nhiệt độ trung bình năm cao nhất và thấp nhất đều ở các lục địa.
- Đại dương có biên độ nhiệt năm nhỏ, lục địa có biên độ nhiệt năm lớn.
- Nhiệt độ của không khí cũng thay đổi khi có sự tác động của các nhân tố: dòng biển nóng, dòng biển lạnh, lớp phủ thực vật, hoạt động sản xuất của con người.

c. Địa hình:

- Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ cao, càng lên cao nhiệt độ càng giảm.
- Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ dốc và hướng phơi của sườn núi.

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ KHÍ ÁP. MỘT SỐ LOẠI GIÓ CHÍNH (Bài 12)

I. Sự phân bố khí áp:

1. Phân bố các đai khí áp trên Trái Đất:

- Khí áp trên Trái Đất phân bố thành các đai áp cao và áp thấp xen kẽ, đối xứng qua đai áp thấp xích đạo
- Không khí di chuyển từ nơi có khí áp cao tới nơi có khí áp thấp tạo nên gió.

2. Nguyên nhân thay đổi của khí áp:

- Độ cao : Khí áp giảm khi lên cao vì càng cao, không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ.
- Nhiệt độ : Nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm đi, khí áp giảm; nhiệt độ giảm, không khí co lại, tỉ trọng tăng nên khí áp tăng.
- Độ ẩm : Khí áp giảm khi không khí chứa nhiều hơi nước (độ ẩm không khí tăng).

II. Một số loại gió chính:

STT	Loại gió	Phạm vi	Hướng	Thời gian hoạt động	Tính chất
1	<i>Gió Tây</i>	Từ 30 ⁰ đến 60 ⁰ ở hai bán cầu	- Bán cầu Bắc: Tây Nam - Bán cầu Nam: Tây Bắc	Quanh năm	Độ ẩm cao, mưa nhiều
2	<i>Gió Mậu dịch</i>	Từ 30 ⁰ đến 0 ⁰ ở hai bán cầu	- Bán cầu Bắc: Đông Bắc - Bán cầu Nam: Đông Nam	Quanh năm	Nhìn chung khô
3	<i>Gió mùa</i>	Ở một số nơi đới nóng, vĩ độ trung bình (<i>Bờ đông lục địa</i>).	Ngược nhau hai mùa	Theo mùa	Một mùa ẩm, một mùa khô
4	<i>Gió biển, gió đất</i>	Các vùng ven biển, hồ lớn	Ngày gió biển, đêm gió đất	Trong một ngày đêm, rõ nhất mùa hạ	Ôn hòa
5	<i>Gió phơn</i>	Vùng phía sau dãy núi cao có gió thổi vượt qua.		Từng đợt	Khô nóng

* Nguyên nhân:

- Sự chênh lệch khí áp giữa các đai áp cao và áp thấp là nguyên nhân hình thành các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất như gió Tây ôn đới, gió mậu dịch (Tín phong).
- Nguyên nhân hình thành gió mùa: Chủ yếu do sự nóng lên hoặc lạnh đi không đều giữa lục địa và đại dương, hình thành các vùng khí áp cao và thấp theo mùa ở lục địa và đại dương. Từ các khu áp cao (theo mùa) có gió thổi đi và các khu áp thấp (theo mùa) hút gió từ các khu áp cao thổi đến đã hình thành nên gió mùa.
- Gió địa phương:
 - + Gió biển và gió đất: Nguyên nhân sâu xa là do sự hấp thụ nhiệt khác nhau giữa biển và đất liền, hình thành sự thay đổi luân phiên khí áp ngoài biển và trong đất liền, giữa ngày và đêm.
 - + Gió phơn: Khi gió mát và ẩm thổi tới một dãy núi bị chặn lại, không khí bị đẩy lên cao và giảm nhiệt độ, hơi nước ngưng tụ, hình thành mây và mưa rơi bên sườn đón gió; khi vượt qua sườn bên kia của dãy núi không khí trở nên khô và nóng.

Nội dung 3: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LƯỢNG MƯA VÀ PHÂN BỐ MƯA TRÊN THẾ GIỚI. (Bài 13)

Nhân tố ảnh hưởng	Khu vực mưa ít	Khu vực mưa nhiều	Nguyên nhân
1. Khí áp	Vùng hoạt động áp cao (<i>chí tuyến, vùng cực</i>)	Vùng hoạt động áp thấp (<i>ôn đới hải dương</i>)	- Các khu áp thấp hút gió và đẩy không khí ẩm lên cao, sinh ra mây và mưa nên thường là nơi có lượng mưa lớn trên Trái Đất. - Các khu áp cao, không khí ẩm không bốc lên được, chỉ có gió thổi đi, không có gió thổi đến nên thường là nơi mưa ít.

2. Frông		Mưa lớn (Đông Nam Á, Đông Á, Tây Âu)	- Do sự tranh chấp giữa khối không khí nóng và không khí lạnh dọc các frông đã dẫn đến nhiều loạn không khí sinh ra mưa. - Miền có frông, dải hội tụ nhiệt đới qua thường mưa nhiều.
3. Gió	Gió trong lục địa, gió Mậu dịch (Trung Á)	Gió mùa (Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á..)	- Những vùng nằm sâu trong nội địa, không có gió từ đại dương thổi vào nên mưa ít. - Miền chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch mưa ít vì gió Mậu dịch chủ yếu là gió khô. - Miền chịu ảnh hưởng của gió mùa thường mưa nhiều.
4. Dòng biển	Nơi có dòng biển lạnh	Nơi có dòng biển nóng	Các miền ven bờ các đại dương có dòng biển nóng chảy qua thì mưa nhiều; nơi có dòng biển lạnh chảy qua mưa ít.
5. Địa hình	Đỉnh núi cao	Nơi địa hình cao Nơi địa hình đón gió	- Cùng 1 sườn núi đón gió, càng lên cao càng mưa nhiều. Tuy nhiên, đến 1 độ cao nào đó sẽ không có mưa. - Cùng dãy núi: sườn đón gió mưa nhiều, sườn khuất gió mưa ít.

III. BÀI TẬP:

Chủ đề 3: CẤU TRÚC TRÁI ĐẤT- THẠCH QUYỀN- THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG

Nội dung 3. TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

(Bài 9_ tiếp theo)

A. TỰ LUẬN:

Câu hỏi: *Hãy kể tên những dạng địa hình do các quá trình sau đây tạo ra theo từng loại nhân tố tác động:*

Nhân tố	Dạng địa hình	
	Bóc mòn	Bồi tụ
Nước chảy		
Gió thổi		
Băng hà		
Sóng biển		

B. TRẮC NGHIỆM:

Dựa vào kiến thức nội dung Sách giáo khoa, từ trang 35 đến trang 37, em hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau:

Câu 1. Quá trình bóc mòn là

- quá trình phá hủy, làm biến đổi các loại đá và khoáng vật.
- quá trình tích tụ (tích lũy) các sản phẩm đã bị phá hủy, biến đổi.
- quá trình làm các sản phẩm đã bị phá hủy, biến đổi dời khỏi vị trí ban đầu.
- quá trình di chuyển các sản phẩm đã bị phá hủy, biến đổi từ nơi này đến nơi khác.

Câu 2: Quá trình mài mòn có đặc điểm là

- Làm thay đổi thành phần và tính chất hố học của đá và khoáng vật.
- Là quá trình diễn ra với tốc độ nhanh, nhất là trên bề mặt Trái Đất.

C. Là quá trình diễn ra với tốc độ chậm, chủ yếu trên bề mặt đất .

D. Dưới tác động của mài mòn, các vật liệu được vận chuyển đi rất xa khỏi vị trí ban đầu.

Câu 3: Hiện tượng mài mòn do sóng biển thường tạo nên các dạng địa hình như:

A. Hàm ếch sóng vỗ, nền cô... ở bờ biển.

B. Hàm ếch sóng vỗ, nền mài mòn... ở bờ biển.

C. Các cửa sông và các đồng bằng châu thổ.

D. Vịnh biển có dạng hàm ếch.

Câu 4: Nhận định nào dưới đây **chưa** chính xác?

A. Các khe rãnh là dạng địa hình chủ yếu do dòng nước tạm thời tạo thành

B. Dạng địa hình tiêu biểu cho quá trình thổi mòn là các nấm đá, hang đá

C. Địa hình hàm ếch ở bờ biển được hình thành chủ yếu do tác dụng của sóng biển

D. Ở những vùng giá lạnh quá trình mài mòn diễn ra chủ yếu là dưới tác động của băng hà

Câu 5: Vận chuyển (do ngoại lực) được hiểu là quá trình

A. Di chuyển vật liệu từ nơi này đến nơi khác

B. Hoán đổi vị trí của các vật liệu trên bề mặt Trái Đất

C. Các vật liệu được đưa từ nơi này đến nơi khác dưới tác dụng của dòng nước

D. Các vật liệu được đưa từ nơi này đến nơi khác dưới tác dụng của gió

Câu 6: Địa hình khoét mòn ở các hoang mạc là do

A. băng hà.

B. nước chảy trên mặt.

C. gió.

D. sóng biển.

Câu 7: Quá trình bóc mòn do băng hà tác động tạo nên dạng địa hình

A. phi-o.

B. hàm ếch.

C. hang động cac-xơ.

D. nấm đá.

Câu 8: Địa hình do nước chảy trên bề mặt tạo thành các rãnh nông, các khe rãnh xói mòn, các thung lũng sông, suối, ... được gọi là

A. địa hình thổi mòn.

B. địa hình khoét mòn.

C. địa hình mài mòn.

D. địa hình xâm thực.

Câu 9: Tác động của ngoại lực, một chu trình hoàn chỉnh nhìn chung diễn ra tuần tự theo các quá trình như sau:

A. phong hoá – vận chuyển – bóc mòn – bồi tụ.

B. phong hoá – bồi tụ – bóc mòn – vận chuyển.

C. phong hoá – bóc mòn – vận chuyển – bồi tụ.

D. phong hoá – bóc mòn – bồi tụ – vận chuyển.

Câu 10: Nội lực và ngoại lực là hai lực

A. cùng chiều nhau, có vai trò như nhau trong việc tạo ra các dạng địa hình trên bề mặt trái đất.

B. ngược chiều nhau, ít có vai trò trong việc hình thành các dạng địa hình trên bề mặt trái đất.

C. cùng chiều nhau, làm cho địa hình trái đất ngày càng cao hơn.

D. đối nghịch nhau, có tác động đồng thời và tạo ra các dạng địa hình trên bề mặt trái đất.

Câu 11: Các vật liệu do dòng chảy (sông) vận chuyển đã bồi tụ nên

A. các đồng bằng châu thổ rộng lớn.

B. các bãi triều rộng lớn.

C. các bán bình nguyên thoải, bằng phẳng.

D. các bãi bồi ven biển phẳng, rộng

Câu 12: Các đồng bằng châu thổ được hình thành chủ yếu do tác dụng bồi tụ vật liệu của

A. Sóng biển.

B. Sông.

C. Thủy Triều.

D. Rừng ngập mặn.

Câu 13: Các yếu tố chủ yếu tác động đến quá trình phong hoá là

A. Nhiệt độ, nước, sinh vật.

- B. Gió, bão, con người.
- C. Núi lửa, sóng thần, xói mòn.
- D. Thổ nhưỡng, sinh vật, sông ngoài.

Câu 14: Biểu hiện nào dưới đây phụ thuộc vào các quá trình của ngoại lực?

- A. Hai mảng xô vào nhau tạo nên các dãy núi cao.
- B. Dòng sông vận chuyển phù sa và bồi tụ.
- C. Dung nham phun ra từ miệng núi lửa.
- D. Hiện tượng đứt gãy tạo nên các hẻm vực.

Câu 15: Ở các vùng hoang mạc do tác động khoét mòn của gió nên thường xuất hiện các dạng địa hình nào dưới đây?

- A. Băng hà, cột đá.
- B. Hồ hàm ếch.
- C. Bậc thềm sóng vỗ.
- D. Nấm đá, cột đá.

Câu 16: Tại sao lại có dạng địa hình xâm thực nấm đá độc đáo trên thế giới?

- A. Gió.
- B. Nhiệt độ.
- C. Sóng biển.
- D. Nước.

Câu 17: Biểu hiện nào dưới đây **không** phụ thuộc quá trình vận chuyển do ngoại lực:

- A. Gió cuốn các hạt cát đi xa.
- B. Dòng sông vận chuyển phù sa.
- C. Dung nham phun ra từ miệng núi lửa khi núi lửa hoạt động.
- D. Hiện tượng trượt đất xảy ra ở miền núi sau những trận mưa lớn.

Câu 18: Quá trình bóc mòn do băng hà tác động tạo nên dạng địa hình nào dưới đây?

- A. Hang động các – xtơ.
- B. Nấm đá.
- C. Phi – o.
- D. Hàm ếch.

Câu 19: Tại sao lại có dạng địa hình mũi tên đất, bán đảo?

- A. Dòng chảy.
- B. Sóng biển.
- C. Dòng biển.
- Con người.

Chủ đề 4: KHÍ QUYỂN

Nội dung 1: KHÍ QUYỂN – SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT
(Bài 11)

TRẮC NGHIỆM

Dựa vào kiến thức nội dung Sách giáo khoa, từ trang 39 đến trang 1, kết hợp với tập bản đồ địa lí trang 11, em hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau:

Câu 1: Khí quyển là

- A. Khoảng không bao quanh Trái Đất.
- B. Lớp không khí bao quanh Trái Đất, thường xuyên chịu ảnh hưởng của vũ trụ, trước hết là mặt trời.
- C. Quyển chứa toàn bộ chất khí trên Trái Đất.
- D. Lớp không khí nằm trên bề mặt Trái Đất đến độ cao khoảng 500km.

Câu 2: Nhận định nào dưới đây là **chưa** chính xác

- A. Hơi nước chiếm thể tích tương đối nhỏ trong các thành phần của khí quyển.
- B. Hơi nước có ý nghĩa rất quan trọng đối với khí hậu trên hành tinh chúng ta.
- C. Hơi nước trong khí quyển không thể nhìn thấy bằng mắt thường.

D. Lượng hơi nước trong khí quyển phân bố không đều trên Trái Đất.

Câu 3. Ở mỗi bán cầu, từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao lần lượt là các khối khí:

A. chí tuyến, cực, ôn đới, xích đạo.

B. cực, chí tuyến, ôn đới, xích đạo.

C. xích đạo, chí tuyến, ôn đới, cực.

D. cực, ôn đới, chí tuyến, xích đạo.

Câu 4. Tầng không khí ở đó hình thành các khối khí khác nhau gọi là

A. tầng bình lưu.

B. tầng đối lưu.

C. tầng giữa.

D. tầng ion.

Câu 5. Khối khí có đặc điểm “**rất nóng**” là

A. khối khí cực.

B. khối khí ôn đới.

C. khối khí chí tuyến.

D. khối khí xích đạo.

Câu 6. Khối khí có đặc điểm “**lạnh**” là

A. khối khí cực.

B. khối khí ôn đới.

C. khối khí chí tuyến.

D. khối khí xích đạo.

Câu 7. Gió Mậu dịch (khối khí chí tuyến hải dương) tác động vào nước ta quanh năm. Khối khí này có kí hiệu là

A. Am.

B. Ac.

C. Tm.

D. Tc.

Câu 8. Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc (khối khí ôn đới lục địa) đem không khí lạnh đến nước ta. Khối khí này có kí hiệu là

A. Am.

B. Ac.

C. Tm.

D. Pc.

Câu 9. Vào nửa sau mùa hạ, gió mùa Tây Nam (khối khí xích đạo hải dương) vào nước ta gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên. Khối khí này có kí hiệu là

A. Em.

B. Ac.

C. Tm.

D. Tc.

Câu 10. Frông khí quyển là

A. bề mặt ngăn cách giữa 2 khối khí di chuyển ngược chiều nhau.

B. bề mặt ngăn cách giữa 2 khối khí khác biệt nhau về tính chất hoá học.

C. bề mặt ngăn cách giữa 2 khối khí khác biệt nhau về tính chất vật lí.

D. bề mặt ngăn cách giữa một khối khí với mặt đất nơi khối khí đó hình thành.

Câu 11. Vào mùa đông, đi trước gió mùa Đông Bắc (khối khí ôn đới lục địa Pc) đem không khí lạnh tràn vào nước ta là

A. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí cực và khối khí ôn đới (frông địa cực FA).

B. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí ôn đới và khối khí chí tuyến (frông ôn đới FP).

C. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí chí tuyến và khối khí xích đạo.

D. bề mặt tiếp xúc giữa 2 khối khí xích đạo ở hai bán cầu (dải hội tụ nhiệt đới).

Câu 12. Vào nửa sau mùa hạ, đi trước gió mùa Tây Nam (khối khí xích đạo hải dương) đem mưa vào nước ta là

A. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí cực và khối khí ôn đới (frông địa cực FA).

B. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí ôn đới và khối khí chí tuyến (frông ôn đới FP).

C. bề mặt tiếp xúc giữa khối khí chí tuyến và khối khí xích đạo ở hai bán cầu (dải hội tụ nhiệt đới).

D. bề mặt tiếp xúc giữa 2 khối khí xích đạo ở hai bán cầu (dải hội tụ nhiệt đới).

Câu 13. Không khí nằm ở hai bên frông có sự khác biệt cơ bản về

A. tính chất lí học.

B. tính chất hoá học.

C. hướng chuyển động.

D. mức độ ô nhiễm.

Câu 14. Vào mùa hạ, dải hội tụ nhiệt đới gây mưa cho nhiều vùng ở nước ta. Dải hội tụ nhiệt đới được hình thành do sự tiếp xúc của hai khối khí là

A. ôn đới hải dương và chí tuyến hải dương.

B. chí tuyến hải dương và chí tuyến lục địa.

C. chí tuyến hải dương và xích đạo hải dương.

D. xích đạo hải dương bán cầu Bắc và xích đạo hải dương bán cầu Nam.

Câu 15. Bức xạ mặt trời trong quá trình tới bề mặt Trái Đất được phân chia thành nhiều bộ phận, chiếm tỉ lệ lớn nhất là bộ phận

A. tới khí quyển rồi lại phản hồi vào không gian.

B. được bề mặt Trái Đất hấp thụ.

C. được khí quyển hấp thụ.

D. tới bề mặt Trái Đất rồi lại phản hồi vào không gian.

Câu 16. Nguồn nhiệt chủ yếu cung cấp cho không khí ở tầng đối lưu là

A. do khí quyển hấp thụ trực tiếp từ bức xạ mặt trời.

B. nhiệt của bề mặt Trái Đất được Mặt Trời đốt nóng.

C. do các phản ứng hoá học từ trong lòng Trái Đất.

D. do hoạt động sản xuất và sinh hoạt của con người.

Câu 17. Nhiệt lượng do Mặt Trời mang đến bề mặt Trái Đất, lớn nhất ở

A. xích đạo.

B. chí tuyến.

C. vòng cực.

D. cực.

Câu 18. Nhiệt độ trung bình năm ở vĩ độ 20° lớn hơn ở Xích đạo là do

A. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời ở vĩ độ 20° lớn hơn ở Xích đạo.

B. không khí ở vĩ độ 20° trong hơn không khí ở Xích đạo.

C. bề mặt Trái Đất ở vĩ độ 20° trơ trụi và ít đại dương hơn bề mặt Trái Đất ở Xích đạo.

D. tầng khí quyển ở vĩ độ 20° mỏng hơn tầng khí quyển ở Xích đạo.

Câu 19. Biên độ nhiệt độ năm ở các vĩ độ trên bề mặt Trái Đất biến thiên theo chiều hướng

A. tăng dần từ Xích đạo đến chí tuyến, sau đó giảm dần từ chí tuyến lên cực.

B. tăng dần từ Xích đạo lên cực.

C. giảm dần từ Xích đạo đến chí tuyến, sau đó tăng dần từ chí tuyến lên cực.

D. giảm dần từ Xích đạo lên cực.

Câu 20. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

A. đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

B. bề mặt các lục địa gồ ghề nên nhận được nhiều nhiệt hơn đại dương.

C. đất hấp thụ nhiệt nhanh hơn nhưng tỏa nhiệt cũng nhanh hơn nước.

D. độ cao trung bình của các lục địa lớn hơn độ cao trung bình của các đại dương.

Câu 21. Nhiệt độ không khí thay đổi theo bờ Đông và bờ Tây các lục địa do

A. hai bờ Đông và Tây của các lục địa có độ cao khác nhau.

B. chế độ gió thổi ở hai bờ Đông và Tây các lục địa khác nhau.

C. hai bờ Đông và Tây của lục địa có góc chiếu của tia bức xạ mặt trời khác nhau.

D. ảnh hưởng của các dòng biển nóng và lạnh ở hai bờ Đông và Tây khác nhau.

Câu 22. Càng lên cao nhiệt độ càng giảm vì

A. càng lên cao không khí càng loãng, bức xạ mặt đất càng mạnh.

B. càng lên cao không khí càng loãng, bức xạ mặt trời càng giảm.

C. càng lên cao lượng mưa càng lớn làm giảm nhiệt.

D. càng lên cao gió thổi càng mạnh nên càng lạnh.

Câu 23: Vị trí trải dài từ xích đạo về chí tuyến Bắc là nhân tố chủ yếu làm cho Biển Đông nước ta có

A. các dòng biển hoạt động theo mùa khác nhau, biển tương đối kín.

B. mưa nhiều theo mùa và khác nhau theo vùng, đường bờ biển dài.

C. các đảo và quần đảo, nhiều rừng ngập mặn và sinh vật phong phú.

D. nhiệt độ nước biển cao và tăng dần từ Bắc đến Nam, nhiều ánh sáng.

Câu 24: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc, nên

A. khí hậu có bốn mùa rõ rệt.

B. có nền nhiệt độ cao.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ KHÍ ÁP. MỘT SỐ LOẠI GIÓ CHÍNH
(Bài 12)

A. TỰ LUẬN:

Câu 1: Dựa vào hình 12.1 SGK trang 44, hãy trình bày sự phân bố các đai khí áp, các đới gió chính trên Trái Đất?

Khu vực	Đai khí áp	Đới gió
Xích Đạo (0°)		
0° đến 30°B/30°N		
Cận Chí tuyến (30°B/30°N)		
30°B/30°N đến 60°B/60°N		
Ôn đới (60°B/60°N)		
60°B/60°N đến 90°B/90°N		
Cực (90°B/90°N)		

Câu 2: a. Dựa vào Tập bản đồ địa lý 10 trang 12, kết hợp với kiến thức đã học, hãy so sánh gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ ở nước ta?

Tiêu chí	Gió mùa mùa đông	Gió mùa mùa hạ
Nguồn gốc		
Hướng chính		
Tính chất		

b. Ở nước ta, gió fơn hoạt động mạnh nhất ở khu vực và thời gian nào?

- Vào đầu mùa, gió fơn hoạt động mạnh nhất ở khu vực.....

B. TRẮC NGHIỆM:

Dựa vào kiến thức nội dung Sách giáo khoa, từ trang 44 đến trang 48, kết hợp với tập bản đồ địa lý trang 12, em hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau:

Câu 1. Nguyên nhân thay đổi của khí áp

- A. thay đổi theo chiều ngang.
- B. thay đổi theo lượng mưa.
- C. thay đổi theo nhiệt độ.
- D. thay đổi theo hướng gió.

Câu 2. Hướng của gió Mậu dịch là

- A. hướng tây bắc ở bắc bán cầu, đông bắc ở nam bán cầu.
- B. hướng đông bắc ở bắc bán cầu, đông nam ở nam bán cầu.
- C. hướng đông bắc ở bán cầu bắc, tây bắc ở bán cầu nam.
- D. hướng đông nam ở bắc bán cầu, đông bắc ở nam bán cầu.

Câu 3: Hướng gió mùa ở nước ta là

- A. mùa hạ hướng tây nam (hoặc đông nam), mùa đông hướng đông bắc.
- B. mùa hạ hướng tây bắc, mùa đông hướng đông bắc.

C. mùa hạ hướng tây nam, mùa đông hướng đông nam.

D. mùa hạ hướng tây nam hoặc đông bắc, mùa đông hướng đông bắc hoặc tây nam.

Câu 4. Trong thực tế các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt, nguyên nhân chủ yếu là do

A. sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.

B. bị địa hình bề mặt Trái Đất chia cắt.

C. diện tích của các lục địa và các đại dương không đều nhau.

D. tác động của các loại gió thổi trên bề mặt Trái Đất.

Câu 5. Càng lên cao khí áp càng giảm, nguyên nhân là do khi lên cao

A. lớp không khí càng mỏng nên sức nén giảm khiến khí áp giảm.

B. không khí càng khô nên nhẹ hơn khiến khí áp giảm.

C. gió thổi càng mạnh đẩy không khí lên khiến khí áp giảm.

D. không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ khiến khí áp giảm.

Câu 6. Gió Tây ôn đới là loại gió

A. thổi từ miền ôn đới tới miền nhiệt đới.

B. thổi từ miền ôn đới lên miền cực.

C. thổi từ áp cao cận nhiệt đới về phía áp thấp ôn đới.

D. thổi từ áp cao cực về phía áp thấp ôn đới.

Câu 7. Đặc điểm của gió Tây ôn đới là

A. thổi vào mùa hạ, gió nóng và ẩm.

B. thổi vào mùa đông, gió lạnh và ẩm.

C. thổi quanh năm, độ ẩm rất cao, thường mang theo mưa.

D. thổi quanh năm, gió lạnh và độ ẩm thấp.

Câu 8. Gió Mậu dịch là loại gió

A. thổi từ Xích đạo về khu vực cận nhiệt đới.

B. thổi từ các khu áp cao cận nhiệt đới về phía áp thấp ôn đới.

C. thổi từ khu vực ôn đới về khu vực cận nhiệt đới.

D. thổi từ các khu áp cao cận nhiệt đới về Xích đạo.

Câu 9. Gió Mậu dịch có đặc điểm là

A. chủ yếu thổi vào mùa hạ, nóng ẩm, tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa.

B. chủ yếu thổi vào mùa đông, lạnh, khô, tốc độ gió và hướng gió thay đổi theo mùa.

C. thổi quanh năm, tốc độ và hướng gió gần như cố định, tính chất chung là ẩm ướt.

D. thổi quanh năm, tốc độ và hướng gió gần như cố định, tính chất chung là khô.

Câu 10. Gió mùa là

A. loại gió thổi vào mùa hạ theo hướng tây nam, tính chất gió nóng, ẩm.

B. loại gió thổi vào mùa đông theo hướng đông bắc, tính chất gió lạnh, khô.

C. loại gió thổi theo mùa, hướng và tính chất gió ở hai mùa trái ngược nhau.

D. loại gió thổi quanh năm, hướng và tính chất gió hầu như không thay đổi.

Câu 11. Nguyên nhân chủ yếu hình thành gió mùa là

A. sự chênh lệch khí áp giữa Xích đạo và vùng cận chí tuyến.

B. sự chênh lệch khí áp giữa vùng cận chí tuyến và vùng ôn đới.

C. sự chênh lệch khí áp giữa bán cầu Bắc và bán cầu Nam theo mùa.

D. sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương theo mùa.

Câu 12. Gió biển và gió đất là loại gió

A. hình thành ở vùng ven biển, thường xuyên thổi từ biển vào đất liền.

B. hình thành ở vùng ven biển, thường xuyên thổi từ đất liền ra biển.

C. hình thành ở vùng ven biển, hướng gió thay đổi giữa ngày và đêm.

D. hình thành ở vùng ven biển, hướng gió thay đổi theo mùa trong năm.

Câu 13. Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

A. Tín phong bán cầu Bắc.

- B. Gió phơn Tây Nam.
- C. Gió mùa Tây Nam.
- D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 14. Gió fơn khô nóng thổi vào mùa hạ ở vùng Bắc Trung Bộ nước ta có hướng

- A. tây nam.
- B. đông nam.
- C. tây bắc.
- D. đông bắc.

Nội dung 3: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LƯỢNG MƯA VÀ PHÂN BỐ MƯA TRÊN THẾ GIỚI. (Bài 13)

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Dựa vào hình 13.1 SGK, hãy nhận xét sự phân bố lượng mưa theo vĩ độ trên Trái Đất theo yêu cầu sau:

- Sự phân bố:

Khu vực	Đặc điểm lượng mưa
Vùng Xích Đạo	
Vùng chí tuyến Bắc/Nam	
Vùng ôn đới	
Gần cực Bắc/Nam	

- Kết luận:

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố

Câu 2: Dựa vào Tập bản đồ địa lý 10 ở trang 13, hãy cho biết lượng mưa của các khu vực trên Trái Đất theo yêu cầu sau đây:

STT	Khu vực/ Quốc gia	Lượng mưa cao nhất	Lượng mưa thấp nhất
1	Tây Âu		
2	Tây Á		
3	Đông Bắc Á		
4	Đông Nam Á		

B. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Dưới các áp cao cận chí tuyến thường có các hoang mạc lớn vì

- A. nơi đây nhận được bức xạ mặt trời lớn quanh năm, rất nóng và khô hạn.
- B. không khí ở đó bị nén xuống, cây cối không thể mọc được.
- C. không khí bị nén xuống, hơi ẩm không bật lên được nên không có mưa.
- D. các áp cao cận chí tuyến thường nằm sâu trong lục địa nên ít mưa.

Câu 2: Các loại gió nào dưới đây mang mưa nhiều cho vùng chúng thổi đến

- A. gió Tây ôn đới và gió fơn.
- B. gió fơn và gió Mậu Dịch.
- C. gió Mậu Dịch và gió Tây ôn đới.
- D. gió Tây ôn đới và gió mùa.

Câu 3: Trên bề mặt trái đất, theo chiều kinh tuyến, nơi có lượng mưa nhiều nhất là

- A. vùng xích đạo.
- B. vùng chí tuyến.
- C. vùng ôn đới.
- D. vùng cực.

Câu 4: Trên bề mặt trái đất, theo chiều kinh tuyến ôn đới nơi có lượng mưa ít nhất là

- A. vùng xích đạo.
- B. vùng chí tuyến.
- C. vùng ôn đới.
- D. vùng cực.

Câu 5: Các vùng trên bề mặt trái đất sắp xếp theo lượng mưa giảm dần là

- A. vùng xích đạo, vùng chí tuyến, vùng ôn đới, vùng cực.
- B. vùng xích đạo, vùng ôn đới, vùng chí tuyến, vùng cực.
- C. vùng ôn đới, vùng xích đạo, vùng cực, vùng chí tuyến.
- D. vùng xích đạo, vùng ôn đới, vùng cực, vùng chí tuyến.

Câu 6: Các khu khí áp thấp thường là nơi có lượng mưa lớn trên thế giới vì

- A. không khí ở đó loãng, dễ bị lạnh, hơi nước ngưng tụ sinh ra mưa.
- B. không khí ở đó bị đẩy lên cao, hơi nước gặp lạnh ngưng tụ sinh ra mưa.
- C. nơi đây nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, nhiệt độ cao, nước bốc hơi nhiều sinh ra mưa.
- D. nơi đây nhận được gió ẩm từ các nơi thổi đến, mang theo mưa.

Câu 7: Frông nóng là

- A. frông hình thành khi 2 khối không khí nóng tiếp xúc với nhau.
- B. frông hình thành ở miền có khí hậu nóng.
- C. frông hình thành khi khối không khí lạnh đẩy lùi khối không khí nóng.
- D. frông hình thành khi khối không khí nóng đẩy lùi khối không khí lạnh.

Câu 8: Frông lạnh là

- A. frông hình thành ở miền có khí hậu lạnh.
- B. frông hình thành khi khối không khí lạnh đẩy lùi khối không khí nóng.
- C. frông hình thành khi 2 khối không khí lạnh tiếp xúc với nhau.
- D. frông hình thành khi khối không khí nóng đẩy lùi khối không khí lạnh.

Câu 9: Miền có frông đi qua thường mưa nhiều do

- A. có sự tranh chấp giữa khối không khí nóng và khối không khí lạnh, dẫn đến nhiễu loạn không khí gây ra mưa.
- B. frông tiếp xúc với bề mặt đất, dẫn đến nhiễu loạn không khí gây ra mưa.
- C. dọc các frông là nơi chứa nhiều hơi nước nên gây mưa.
- D. dọc các frông có gió to, đẩy không khí lên cao, gây mưa.

Câu 10: Ven bờ đại dương, gần nơi có dòng biển nóng chảy qua thì mưa nhiều do

- A. phía trên dòng biển nóng có khí áp thấp, không khí bốc lên cao gây mưa.
- B. dòng biển nóng mang hơi nước từ nơi nóng đến nơi lạnh, ngưng tụ gây mưa.
- C. không khí trên dòng biển nóng chứa nhiều hơi nước, gió mang hơi nước vào lục địa gây mưa.
- D. gió mang hơi nước từ lục địa thổi ra, gặp dòng biển nóng, ngưng tụ gây mưa.

Câu 11: Trên những sườn núi cao đón gió, càng lên cao lượng mưa trong năm càng lớn, nhưng ở đỉnh núi cao lượng mưa trong năm lại ít, lí do đỉnh núi cao ít mưa là

- A. ở đỉnh núi nhiệt độ rất thấp nên nước đóng băng, không có mưa.
- B. ở đỉnh núi không khí loãng, lượng hơi nước ít nên ít mưa.
- C. ở đỉnh núi, nhiệt độ thấp nên có khí áp cao, hơi nước không bốc lên được.
- D. gió gây mưa nhiều ở sườn núi, lên tới đỉnh độ ẩm giảm nhiều nên ít mưa.

IV. NỘI DUNG CHUẨN BỊ:

- Đọc bài 14, 15, 16, 17&18

V. ĐÁP ÁN BÀI TẬP TỰ LUYỆN:

Chủ đề 3: **CẤU TRÚC TRÁI ĐẤT- THẠCH QUYỂN- THUYẾT KIẾN TẠO MẢNG**

Nội dung 3. **TÁC ĐỘNG CỦA NGOẠI LỰC ĐẾN ĐỊA HÌNH BỀ MẶT TRÁI ĐẤT**

(Bài 9_ tiếp theo)

A. TỰ LUẬN:

Câu hỏi: *Hãy kể tên những dạng địa hình do các quá trình sau đây tạo ra theo từng loại nhân tố tác động:*

Nhân tố	Dạng địa hình	
	Bóc mòn	Bồi tụ
Nước chảy	Rãnh nông, khe rãnh xói mòn, các thung lũng sông, suối.	Đồng bằng châu thổ,
Gió thổi	Hố trũng thổi mòn, bề mặt đá rỗ tổ ong, ngọn đá sót hình nấm.	Dụn cát, cồn cát

Băng hà	Vịnh hẹp băng hà (phi-o), cao nguyên băng hà, đá trán cừu	Đụn đá
Sóng biển	Hàm ếch sóng vỗ, vách biển, bậc thềm sóng vỗ	Bãi bồi ven biển

B. TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	C	B	B	A	C	A	D	C	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
Đáp án	A	B	A	B	D	A	C	C	A	

Chủ đề 4: KHÍ QUYỀN

Nội dung 1: KHÍ QUYỀN – SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT
(Bài 11)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	B	C	B	C	D	A	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	A	D	B	B	A	C	B	C
Câu	21	22	33	24						
Đáp án	C	A	D	B						

Nội dung 2: SỰ PHÂN BỐ KHÍ ÁP. MỘT SỐ LOẠI GIÓ CHÍNH
(Bài 12)

A. TƯ LUẬN
Câu 1: Dựa vào hình 12.1 SGK trang 44, hãy trình bày sự phân bố các đai khí áp, các đới gió chính trên Trái Đất?

Khu vực	Đai khí áp	Đới gió
Xích Đạo (0°)	Áp thấp xích đạo	
0° đến 30°B/30°N		Gió Mậu dịch
Cận Chí tuyến (30°B/30°N)	Áp cao chí tuyến	
30°B/30°N đến 60°B/60°N		Gió Tây ôn đới
Ôn đới (60°B/60°N)	Áp thấp ôn đới	
60°B/60°N đến 90°B/90°N		Gió đông cực
Cực (90°B/90°N)	Áp cao cực	

Câu 2: a. Dựa vào Tập bản đồ địa lý 10 trang 12, kết hợp với kiến thức đã học, hãy so sánh gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ ở nước ta?

Tiêu chí	Gió mùa mùa đông	Gió mùa mùa hạ
<i>Nguồn gốc</i>	Xuất phát từ áp cao Xibia	Đầu mùa: Xuất phát từ áp cao Bắc Ấn Độ Dương Giữa và cuối mùa: Xuất phát từ áp cao Cận chí tuyến bán cầu Nam
<i>Hướng chính</i>	Đông Bắc	Tây Nam (riêng vùng Bắc Bộ có hướng Đông Nam)
<i>Tính chất</i>	Lạnh, ít mưa	Nóng ẩm, mưa nhiều

b. Ở nước ta, gió fơn hoạt động mạnh nhất ở khu vực và thời gian nào?

- Vào đầu mùa hạ, gió fơn hoạt động mạnh nhất ở khu vực đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.

B. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	A	A	D	C	C	D	D	C
Câu	11	12	13	14						
Đáp án	D	C	A	A						

Nội dung 3: CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LƯỢNG MƯA VÀ PHÂN BỐ MƯA TRÊN THẾ GIỚI. (Bài 13)

A. TỰ LUẬN

Câu 1: Dựa vào hình 13.1 SGK, hãy nhận xét sự phân bố lượng mưa theo vĩ độ trên Trái Đất theo yêu cầu sau:

- Sự phân bố:

Khu vực	Đặc điểm lượng mưa
Vùng Xích Đạo	Lớn: 1700mm
Vùng chí tuyến Bắc/Nam	Thấp: 600mm
Vùng ôn đới	Tương đối cao: 800 - 1100mm
Gần cực Bắc/Nam	Rất thấp: <100ml

- Kết luận:

- Lượng mưa trên Trái Đất phân bố không đồng đều.

Câu 2: Dựa vào Tập bản đồ địa lý 10 ở trang 13, hãy cho biết lượng mưa của các khu vực trên Trái Đất theo yêu cầu sau đây:

STT	Khu vực/ Quốc gia	Lượng mưa cao nhất	Lượng mưa thấp nhất
1	Tây Âu	1001 – 2000mm	200 – 500 mm
2	Tây Á	500 – 200mm	Dưới 200mm
3	Đông Bắc Á	2001 – 2000mm	501 – 1000mm
4	Đông Nam Á	Trên 3000mm	1000– 2000mm

B. TRẮC NGHIỆM

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	A	D	B	B	D	B	A	C
Câu	11									
Đáp án	D									

Nếu có thắc mắc HS liên hệ GVBM để được hỗ trợ.